

1. Vân chéo tăng ngang có các điểm nổi đơn tăng dài theo hướng dọc  
a. Đúng b. Sai
2. Vải xù lông là vải: Trên bề mặt có các đầu sợi nổi lên do vòng sợi tạo thành  
a. Đúng b. Sai
3. Điều kiện để tồn tại kiểu dệt vân đoạn đúng là.  $R \geq 3$ ,  $1 < S < R - 1$ , S và R không có ước số chung  
a. Đúng b. Sai
4. Độ nhàu là khả năng giữ hình dạng trong điều kiện tác dụng của ngoại lực, làm xấu bề mặt vải, làm sản phẩm nhanh bị mài mòn, gây bất tiện trong quá trình sử dụng.  
a. Đúng b. Sai
5. Chi số càng nhỏ thì sợi càng mảnh, vải càng mỏng  
a. Đúng b. Sai
6. Tuốt vòng là hiện tượng vòng sợi bị rút mất theo hướng hàng vòng hay hướng cột vòng.  
a. Đúng b. Sai
7. Vải satin sử dụng hiệu ứng nổi ngang của kiểu dệt vân đoạn.  
a. Đúng b. Sai
8. Nếu vải đồng nhất hướng ngang nhàu nhiều hơn hướng dọc, hướng dọc ít nhàu hơn hướng chéo.  
a. Đúng b. Sai
9. Viscose bị hòa tan trong dung dịch đồng amoni ( $\text{Cu}(\text{NH}_3)_4(\text{OH})_2$ )  
a. Đúng b. Sai
10. Thành phần hoá học xơ len gồm: Keratin chiếm 90-93%, sericine chiếm 7-10%.  
a. Đúng b. Sai
11. Lanh bóng hơn bông là bởi xơ : dài hơn, không xoắn, được bao bọc bởi một lớp sáp  
a. Đúng b. Sai
12. Nguyên nhân vật liệu dệt ưa nước: trong phân tử chứa nhiều nhóm có cực (-OH, -NH<sub>2</sub>...) và có khả năng liên kết hydro với nước (chứa nước).  
a. Đúng b. Sai
13. Triaxetate và diaxetate thường được ứng dụng làm vật liệu lót cho sản phẩm may  
a. Đúng b. Sai
14. Kiểu dệt vân đoạn 7/2 là kiểu dệt có điểm nổi dọc là 2, có rappa là 7  
a. Đúng b. Sai
15. Khi ủi cần quan tâm đến 04 yếu tố là nhiệt độ, áp suất, chất liệu và thời gian ủi, tùy thuộc mặt hàng mà xác định các thông số này cho phù hợp.  
a. Đúng b. Sai
16. Ký hiệu chỉ được hiển thị bằng một phân số, trong đó: Tử số là chi số mét (Nm) của chỉ, Mẫu số là số sợi chập xe  
a. Đúng b. Sai
17. Vải dệt có hai mặt khác nhau trong đó mặt phải (face) tập hợp bởi các trụ vòng nên phản ánh sáng tốt, mặt trái (back) tập hợp bởi các cung tròn là vải có kiểu dệt  
a. Đan chun b. Đan trơn  
c. Đan ống d. Đan xích
18. Ký hiệu 1/2.2/3 là ký hiệu của kiểu dệt  
a. Vân chéo b. Vân chéo tăng  
c. Vân chéo kết hợp d. Vân chéo gẫy
19. Độ nhiễm điện làm cho vải  
a. Bám dính vào người và khô thoáng  
b. Hút bụi và bám dính vào người  
c. Hút bụi và khô thoáng  
d. Bám dính vào người và ẩm ướt
20. Với R=8, kiểu dệt vân đoạn có bao nhiêu bước chuyển  
a. 2 b. 3  
c. 4 d. 5
21. Các tính chất chủ yếu của tơ tằm là:

- a. **Tương đối bền với axit vô cơ yếu và axit hữu cơ trung bình, kém bền kiềm**
- b. Dưới tác dụng của ánh sáng tia giảm độ bền, độ giãn, tính đàn hồi, cứng, giòn, bền với vi sinh vật.
- c. Tơ tằm không hoà tan trong dung dịch đồng amoni ( $\text{Cu}(\text{NH}_3)_4(\text{OH})_2$ )
- d. Bền với chất oxy hóa:  $\text{HClO}$ ,  $\text{NaClO}$
- 22.** Vải dệt trơn là vải
- a. Trên bề mặt có các đầu sợi nổi lên do vòng sợi tạo thành
- b. **Có mặt phải nhẵn, dễ nhìn rõ đường dệt.**
- c. Bề mặt có lớp xơ mịn phủ kín các đường dệt làm vải phẳng nhẵn, không nhìn rõ đường dệt
- d. Do nhiều hệ sợi dọc đan với nhau với hệ sợi ngang tạo nên nhiều lớp cho vải
- 23.** Mật độ sợi càng lớn vải càng
- a. Thoáng mát và nhẹ nhàng
- b. Nhẹ nhàng nhưng kém thông thoáng
- c. **Bền nhưng kém thoáng mát**
- d. Cả a, b, c sai
- 24.** Để nhận biết xơ sợi bông bằng phương pháp hóa học ta cần sử dụng hoá chất :
- a. Dung dịch kẽm clorua      b. Iốt
- c.  $\text{CuSO}_4$                               d. **Cả a, b đúng**
- 25.** Độ mảnh (M) là đặc trưng cho
- a. **Kích thước ngang của xơ và sợi**
- b. Kích thước dọc của xơ và sợi
- c. Khối lượng của xơ và sợi
- d. Thể tích của xơ và sợi
- 26.** Dựa vào khả năng chịu nhiệt người ta phân loại vật liệu dệt thành :
- a. VL nhiệt dẻo và VL cứng rắn
- b. VL tái sinh , VL tổng hợp
- c. VL nhiệt cháy và VL không nhiệt
- d. **Vật liệu rắn và vật liệu nhiệt dẻo**
- 27.** Loại vật liệu dệt nào dưới đây tương đối bền vững với tác dụng của kiềm nhất.
- a. **Bông**                              b. Len
- c. Tơ tằm                              d. Lanh
- 28.** Loại xơ sợi tổng hợp nào còn được gọi là “len tổng hợp”
- a. **Polyester**                              b. Polyacrylic
- c. Polyamid 6                              d. Acetate
- 29.** Vòng sợi gồm
- a. **Trụ vòng, Cung kim, Cung platin**
- b. Trụ vòng, Hàng vòng, Cột vòng
- c. Cột vòng, Bước vòng, Cung kim
- d. Cung platin, Trụ vòng, Bước vòng
- 30.** Nhờ đặc tính gì mà xơ mới bám được vào nhau và hình thành sợi.
- a. Độ rủ                              b. Độ chặt chẽ của hệ thống sợi
- c. **Độ ma sát**                              d. Độ cứng uốn
- 31.** Kiểu dệt kim nào tạo ra hiệu ứng thùng lỗ
- a. tạo sợi nổi                              b. bỏ vòng sợi
- c. **chuyển dịch vòng sợi**      d. cài sợi phụ
- 32.** Vị trí tương đối của sợi dọc và sợi ngang với nhau trong vải được gọi là :
- a. Điểm nổi dọc                              b. Điểm nổi ngang
- c. **Rappo**                              d. Bước chuyển
- 33.** Kiểu dệt có  $R=R_d=R_n=2$ ,  $S=S_d=S_n=1$  (hay -1) là kiểu dệt
- a. Vân chéo                              b. **Vân điểm**
- c. Vân đoạn                              d. Vân kết hợp
- 34.** Hãy viết ký hiệu biểu diễn kiểu dệt bên:
- 1/2.2/1**
- |   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|
|   |   | X | X |   | X |
|   | X | X |   | X |   |
| X | X |   | X |   |   |
| X |   | X |   |   | X |
|   | X |   |   | X | X |
| X |   |   | X | X |   |
- 35.** Công thức cấu tạo của Cellulose là:
- $[-\text{C}_6\text{H}_{10}\text{O}_5-]$  hoặc  $[-\text{C}_6\text{H}_7(\text{OH})_3-]$ .**

36. Chỉ số của sợi  $N=L/G=0.35/0.7=0.5$ ..... nếu biết 1 đoạn sợi dài 350mm có khối lượng là 0,70g.
37. Hãy biểu diễn kiểu dệt vân đoạn 8/4 : **Không có vân đoạn đúng 8/4 vì R và S có cùng ước số chung**
38. Hãy kể tên 03 loại vật liệu thời trang mới ngoài những vật liệu đã được hướng dẫn trên lớp: **giấy, kim loại, lá cây....**
39. Độ **dày** là tính chất để lựa chọn phương án thiết kế, khả năng tạo dáng và giữ nếp của sản phẩm.
40. **Khô vải.**: ảnh hưởng đến tác nghiệp giác sơ đồ, điều tiết nguyên vật liệu tiết kiệm chi phí sản xuất.
41. Kiểu dệt vân điểm còn gọi là kiểu dệt **cát một đè một**.
42. Với thành phần 70% là các axit amin phân tử lớn, axit systine nên mạch có nhiều liên kết ngang hình thành nên cấu trúc: **Không gian (mắt lưới)**...nên xơ len có khả năng chống biến dạng rất tốt (giữ nếp, ít nhàu).
43. Những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng vải xuyên kim là: đệm xơ, **vật liệu xơ, kim**, thông số đâm kim.
44. Xơ bông có dạng tế bào hình...**ống**....., hai đầu ...**khép kín**....., thành mỏng chứa đầy chất nguyên sinh, độ xoắn tự nhiên.
45. Hiệu ứng dọc là số điểm nổi ...**dọc**.....nhiều hơn số điểm nổi .....**ngang**.....
46. Kiểu dệt **jacquard**..tạo cho vải những hình trang trí hình học (hình hoa) với rappo rất lớn (100-1000 sợi), từng phần của hình trang trí được dệt bởi các kiểu dệt đơn giản.
47. Triacetate và diacetate khi cháy chảy dẻo, mùi hăng không khét như giấy cháy, đầu đốt màu **nâu**, đông cứng bóp khó vỡ.
48. Điều kiện tồn tại kiểu dệt vân chéo : .....  
 **$R \geq 3$  và  $S=1$  hoặc  $S=R-1$ .....**
49. Tính chất cơ bản của vải dệt kim là: kém ổn định kích thước, quần mép, **tuột vòng**, đàn hồi tốt.
50. Đối với vân chéo gẫy: sau khi thực hiện được k sợi thì ...**đổi đầu**...bước chuyên.
51. **Nhám dính**..... gồm hai băng, một băng có lớp móc câu, băng kia gắn nhưng vòng mềm
52. Hãy phân tích và đưa ra tên vật liệu phù hợp với trang phục lót :  
**Trang phục lót cần phải: mềm mại, trơn mượt, vệ sinh, co giãn, độ dày mỏng...**  
**Chất liệu phù hợp: cotton+ PA; cotton+viscose+PA...**

Ngày 03 tháng 06 năm 2015

**Thông qua Bộ Môn**